

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Nhót và bà Võ Thị Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 62/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thái Thị L.

Địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L1 (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2020) – có mặt.

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn ĐA, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D – vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 02, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông

NỘI D V U ÁN:

- Theo nội D đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị L, trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 trong quá trình tố tụng:

Ngày 24/5/2017, bà Nguyễn Thị D vay của bà Thái Thị L số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 09/6/2017, bà D tiếp tục vay của bà L số tiền 60.000.000 đồng, cả hai khoản nợ bà D hẹn đến cuối năm 2017 trả nợ. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2.000đ/triệu/ngày. Đến cuối năm 2017 là thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận nhưng bà D không thanh toán các khoản nợ và tiền lãi cho bà L nên bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà D phải trả cho bà L số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng và 72.000.000 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi các khoản nợ từ ngày vay đến ngày xét xử, ngày 30/9/2020 của các khoản vay, mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), cụ thể:

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng: Từ ngày vay 24/5/2017 đến ngày 30/9/2020 là 40 tháng 06 ngày x 0,83%/tháng x 1000.000.000 đồng = 33.365.000 đồng.

Đối với khoản vay 60.000.000 đồng: Từ ngày vay 09/6/2017 đến ngày 30/9/2020 là 39 tháng 21 ngày x 0,83%/tháng x 60.000.000 đồng = 19.770.500 đồng.

Tổng cộng là 53.135.500 đồng.

- Theo lời khai của bị đơn, bà Nguyễn Thị D trong quá trình tố tụng: Bà D thừa nhận có vay của bà L hai lần số tiền nợ tổng cộng là 160.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2.000đ/triệu/ngày, bà đã trả lãi nhiều lần cho bà L, đến cuối năm 2018 bà tiếp tục trả cho bà L số tiền 34.000.000 đồng. Do khó khăn nên bà chưa có khả năng trả nợ gốc và nợ lãi còn lại cho bà L. Bà D không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời khai về việc trả nợ gốc và lãi của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt đối với bà D.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 436, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thái Thị L, buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà L số tiền gốc và lãi suất theo quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Thái Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền vay các ngày 24/5/2017, 09/6/2017, phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Thời hạn trả nợ của các khoản vay lần lượt là cuối năm 2017, ngày 10/02/2020 bà L làm đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Thị D có địa chỉ tại thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Bà Thái Thị L là nguyên đơn trong vụ án, nhưng bà L ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L1 tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền là đúng theo quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Thái Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền gốc đã vay là 160.000.000 đồng theo các giấy viết tay ngày 24/5/2017 và 09/6/2017, đồng thời yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm đối với các khoản tiền vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D thừa nhận có vay tiền của bà Thái Thị L như bà L khởi kiện, hai bên đều thừa nhận lãi suất thỏa thuận là 2.000đ/triệu/ngày, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định bà D chưa trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, bị đơn bà D cho rằng đã trả lãi theo thỏa thuận nhiều lần, cuối năm 2018 bà còn trả tiếp số tiền 34.000.000 đồng cho bà L . Tuy nhiên, bà D không chứng minh được việc trả nợ, do đó bà D phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được cho yêu cầu của mình.

Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Bà D có nghĩa vụ trả tiền đã vay theo thỏa thuận nhưng bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà Thái Thị L yêu cầu bà D phải trả số tiền đã vay là 160.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Do các bên khi cho vay có thỏa thuận về lãi suất nhưng thỏa thuận của các bên là 2.000đ/triệu/ngày cao hơn mức tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/tháng nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, tính lãi đối với các khoản vay từ ngày vay đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) đối với các khoản vay, cụ thể:

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng: Từ ngày vay 24/5/2017 đến ngày 30/9/2020 là 40 tháng 06 ngày x 0,83%/tháng x 1000.000.000 đồng = 33.365.000 đồng.

Đối với khoản vay 60.000.000 đồng: Từ ngày vay 09/6/2017 đến ngày 30/9/2020 là 39 tháng 21 ngày x 0,83%/tháng x 60.000.000 đồng = 19.770.500 đồng.

Tổng cộng là 53.135.500 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có L do.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Thái Thị L số tiền 213.135.500 đồng (Hai trăm mười ba triệu một trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng), trong đó 160.000.000 đồng tiền gốc và 53.135.500 đồng tiền lãi là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 10.656.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463; khoản 1 và khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Thái Thị L số tiền 213.135.500 đồng (Hai trăm mười ba triệu một trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng), trong đó 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và 53.135.500 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bà Thái Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Nguyễn Thị D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu 10.656.500 đồng (Mười triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về tiền tạm ứng án phí: Bà Thái Thị L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu